TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN I** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 108/2020/QĐST-HNGĐ	*I, ngày 31 tháng 7 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Dân sự thụ lý số 163/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Anh A, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số 06A, đường E, Khóm 10, Phường 1, thành phố H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Chị B, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp K, xã L, huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 23 tháng 7 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh A và chị B.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Anh A và chị B thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung: Anh A và chị B thống nhất giao cháu C, sinh ngày 23/5/2015 cho chị B tiếp tục trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Cháu C đang sống chung với chị B nên chị Trang được quyền tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu C.

Anh A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu C, sinh ngày 23/5/2015 mỗi tháng 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) kể từ ngày 23/7/2020 cho đến khi cháu C, đủ 18 tuổi.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có

2.4. Về án phí: Án phí Dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), do hòa giải thành được giảm 50% bằng 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), anh A tự nguyện nộp toàn bộ. Án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con anh A phải chịu là 150.000 đồng. Anh A đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005472 ngày 23 tháng 7 năm 2020, được chuyển thu án phí.

2.5 Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện I;
- THADS huyện I;
- UBND xã H, huyện I;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Phan Công Trí